

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS - PT  
Ngày: 06/8/2021  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

*Các Thẩm phán:* - Ông Vũ Duy Luân

- Bà Lương Hải Yến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2021/QĐPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Vân N, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Số nhà 24, lô 1, khu tái định cư D, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

**Người đại diện theo ủy quyền của chị N là** chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số 42, ngõ 91, T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đỗ Thị Vân N là: Luật sư Phạm Đức T và Luật sư Tạ Văn T1 – Công ty Luật TNHH An Quốc.

Đều tại địa chỉ: P2201, sảnh D chung cư B, số 17, T, Phường T, quận N, Hà Nội.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH Y.

Địa chỉ: Lô đất diện tích 6.619 m<sup>2</sup>, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- **Tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bị đơn:** Công ty cổ phần may T.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô đất diện tích 6.619 m<sup>2</sup>, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn T2 - Chức danh: Giám đốc.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Choi Kwang H, sinh năm 1960 - Chức danh: Giám đốc.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Suh Dong K, sinh năm 1959.

Công ty TNHH G.W.T

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- **Người đại diện theo ủy quyền của ông Suh Dong K** là ông Ngô Thê T, sinh năm 1979. (Giấy ủy quyền ngày 10/7/2020).

Địa chỉ liên hệ: Số 72, N, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội.

3. Anh Hoàng Huy T3, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Số nhà 24, lô 1, khu tái định cư dầu khí, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- **Người tham gia tố tụng khác:** Bà Hà Thị Phương M, sinh năm 1977. (Người phiên dịch).

Địa chỉ: Số nhà 724, tổ 4, đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Các đương sự và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các đương sự vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:**

**Nguyên đơn chị N trình bày:** Ngày 09/02/2018 Công ty TNHH Y đã vay của chị 800.000.000 đồng. Ngày 21/02/2018, vay của chị 1.000.000.000 đồng, Đến ngày 14/3/2018, chị và ông Suh Dong K giám đốc Công ty TNHH Y đã thống nhất cùng ký vào giấy vay tiền ngày 14/3/2018. Tổng số tiền chị cho công ty vay là 1.800.000.000 đồng với thời hạn cho vay là 20 tháng (từ ngày 14/3/2018 đến ngày 14/11/2019), lãi suất hai bên thỏa thuận tính bằng lãi suất ngân hàng theo từng thời điểm. Mục đích vay chi trả tiền lương cho công nhân. Công ty đã cam kết với chị trả tiền gốc và tiền lãi đúng hạn và trả lãi vào ngày 20 hàng tháng (thỏa thuận miệng). Đến nay đã quá thời hạn theo thỏa thuận nhưng công ty đã thanh toán 800.000.000 đồng, số tiền vay còn lại 1.000.000.000 đồng chưa trả và kể từ ngày 14/6/2019 công ty không trả lãi hàng tháng cho chị theo cam kết. Ngoài số tiền nợ ghi trên giấy vay tiền công ty còn vay chị một số khoản khác nhưng sau đó đã thanh toán. Thời gian các khoản vay, trả gốc, trả lãi đều được thể hiện trên báo cáo tài chính nội bộ hàng tháng

của công ty và được thông báo qua địa chỉ mail của chị là thời gian vay từ ngày 21/02/2018 đến ngày 13/6/2019 vay số tiền gốc là 2.710.000.000 đồng, công ty đã trả 1.710.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất là 167.970.000 đồng. Công ty còn nợ chị 1.000.000.000 đồng tiền gốc. Hợp đồng vay tiền trên là khoản vay giữa cá nhân chị với Công ty TNHH Y do ông Suh Dong K là người đại diện theo pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng vay trực tiếp ký tên. Công ty cáo buộc chị yêu cầu ông S ký, đóng dấu lên một số tờ giấy trắng để sử dụng cho mục đích thông quan hàng hóa, chị không yêu cầu ông S ký lên bất kỳ một tờ giấy trắng nào, chị không làm việc trong bộ phận thông quan hàng hóa, hợp đồng vay tiền chị trực tiếp soạn thảo, việc sai sót 01 số 0 (không) khi soạn thảo nhiều chữ số từ 1.800.000.000 thành 1.8000.000.000 do lỗi chính tả thông thường và đã được chú thích ở phần số bên cạnh là "(Một tỷ tám trăm triệu đồng)", giấy vay tiền chị trực tiếp soạn thảo và lưu giữ file tài liệu trên của chị bị hư hỏng và trải qua nhiều lần sửa chữa nên hiện nay chị không còn lưu giữ. Hơn nữa sau khi soạn thảo giấy vay tiền, chị không sao chép file tài liệu trên ra một thiết bị lưu trữ nào khác. Quan điểm của chị là yêu cầu Công ty TNHH Y (Nay là Công ty cổ phần may T). Địa chỉ trụ sở chính: Lô đất diện tích 6.619 m<sup>2</sup>, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình phải trả vợ chồng chị là 1.000.000.000 đồng và lãi suất là: 169.589.041 đồng.

- **Ý kiến của chị L:** Chị hoàn toàn nhất trí với ý kiến của chị Đỗ Thị Vân N. Chị N và chị đã nhận được thông báo của Tòa án về việc đưa tổ chức Công ty Cổ phần may T kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Công ty TNHH Y với lý do Công ty TNHH Y đã chuyển nhượng toàn bộ công ty cho Công ty Cổ phần may T. Vì vậy, Công ty cổ phần may T. Địa chỉ trụ sở chính: Lô đất diện tích 6.619 m<sup>2</sup>, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình phải trả vợ chồng chị N và anh T số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi suất là: 169.589.041 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N là luật sư T trình bày:** Quan điểm của ông là yêu cầu Công ty TNHH Y (Nay là Công ty cổ phần may T). Địa chỉ trụ sở chính: Lô đất diện tích 6.619 m<sup>2</sup>, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình phải trả vợ chồng chị N và anh T3 số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi suất là: 169.589.041 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

- **Ý kiến của anh Hoàng Huy T3 (Chồng chị N) trình bày:** Anh nhất trí với ý kiến của chị N và xác định khoản nợ mà chị N cho Công ty TNHH Y vay là tài sản chung của anh và chị N.

**Bị đơn Công ty TNHH Y. Đại diện theo pháp luật của công ty là ông Choi Kwang H (Có sự phiên dịch của bà Hà Thị Phương M) trình bày:** Ông cam kết việc giấy vay nợ của chị N nộp không phải do ông S lập nên và ông cũng không nhận gì từ chị N cả đây là lần đầu tiên ông nhìn thấy tờ giấy biên nhận này. Ông Suh Dong K chưa từng nhìn thấy cũng chưa từng ký vào giấy

vay nợ này, duy chỉ có chữ ký là đúng. Lý do chị N có trình bày với ông S là cần giải quyết các thủ tục hải quan nên có đề nghị ông S ký không vào trộm tờ giấy trắng để khi cần sử dụng, chị N đã lợi dụng giấy đó để làm giả mạo giấy biên nhận này. Hơn nữa, trong giấy ghi nợ ghi nhầm số tiền 1,8 tỷ đồng thành 18 tỷ đồng nếu đúng giấy biên nhận thì trước khi ký công ty sẽ phải kiểm tra cẩn thận. Nếu chị N khẳng định giấy biên nhận có thật thì yêu cầu chị N xuất trình file mềm cho Tòa án. Trước khi nghỉ việc ở công ty, ông S đã cam kết nếu sau này những giấy tờ ký không, đóng dấu do ông S ký thì ông S sẽ chịu trách nhiệm. Năm 2018, trước khi nhận bàn giao nhà xưởng ông S và chị N đã lừa dối ông để trục lợi về cho bản thân. Tổng số tiền ghi trên sổ sách kế toán của công ty, công ty đã trả lại đủ cho chị N, sau khi chị N nghỉ việc ông S chỉ thị cho nhân viên trả toàn bộ số tiền của chị N, số tiền còn lại 1.000.000.000 đồng là tiền thực tế của ông S và từ bây giờ không phải trả lãi chị N cũng như bản thân ông S và kể từ đó công ty cũng không trả tiền lãi và chị N cũng không đến công ty đòi tiền lãi kể từ sau khi nghỉ việc. Khi ông S nghỉ việc vào cuối tháng 3/2020, công ty đã thanh toán hết 1 tỷ mà ông S đã cho công ty vay. Ngày 27/3/2020, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1001035744 thay đổi lần thứ 6 ngày 27/3/2020 ông là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Y. Sau ngày 27/3/2020 ông không được nhận bàn giao công nợ về khoản nợ nào của công ty đối với chị N. Trong sổ sách kế toán của công ty có thể hiện việc chị N cho công ty vay tiền cụ thể là bảng thống kê tiền nhập quỹ và hoàn trả cho ông S và chị N nên ông không chấp nhận trả số tiền gốc là 1 tỷ và lãi suất cho chị N.

***Ý kiến của ông Ngô Thế T2 là đại diện theo ủy quyền của ông Suh Dong***

**K trình bày:** Chữ ký của ông S và con dấu của Công ty TNHH Y trong giấy vay tiền ngày 14/3/2018 là có thật, tuy nhiên trong hợp đồng vay tiền trên không có thật vì ông S là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Y không vay bất cứ khoản tiền nào của chị N. Chị N là phiên dịch viên do ông S là người nước ngoài nên bất đồng về ngôn ngữ, mọi hoạt động đều thông qua chị N nên các giấy tờ đã được ký và đóng dấu sẵn còn nội dung hợp đồng sẽ được đánh máy và cho in ra. Vì vậy, giấy vay tiền ngày 14/3/2018 là giả mạo và hơn nữa khoản tiền mà chị N cho công ty vay không có trong báo cáo tài chính của công ty nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N đòi nợ gốc là 1 tỷ đồng và lãi suất.

***Người làm chứng chị Vũ Thị Thanh T4 là kế toán Công ty TNHH Y***

**trình bày:** Trong thời gian chị làm kế toán tại Công ty TNHH Y từ ngày 28/5/2018 chị đã nhận được trên sổ sách kế toán thể hiện khoản vay từ ngày 21/02/2018 đến ngày 31/5/2019 Công ty TNHH Y vay tổng số tiền gốc của chị N 2.710.000.000 đồng. Công ty TNHH Y đã trả tiền gốc cho chị N từ ngày 26/3/2018 đến ngày 13/6/2019 là 1.710.000.000 đồng, đã trả lãi đến ngày 19/6/2019 là 167.970.000 đồng. Tính đến ngày 13/6/2019 công ty còn nợ chị N 1.000.000.000 đồng tiền gốc.

**Ông Dương Văn T2 là đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần may T trình bày:** Công ty cổ phần may T mua lại công ty TNHH Y do ông Choi Kwang H giám đốc, đại diện chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ 50 tỷ đồng và có cam kết không còn nợ bất cứ khoản nợ nào của tập thể và cá nhân trước khi chuyển nhượng. Sau khi chuyển nhượng nếu có vấn đề gì nợ nần phát sinh thì ông Choi Kwang H sẽ chịu trách nhiệm và tự giải quyết. Công ty cổ phần may T xuất trình bản cam kết ngày 28/11/2020 gửi Tòa án với nội dung cam kết giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tại mục 2. "Riêng đối với khoản nợ của bà Đỗ Thị Vân N, sinh năm 1980, nơi cư trú: số nhà 24, lô 1, khu tái định cư dầu khí thành phố N, tỉnh Nam Định thì Công ty hiện tại không còn nợ bà N bất kỳ khoản tiền nào". Vì vậy, Công ty cổ phần may T không chấp nhận trả nợ chị N 1 tỷ tiền gốc và lãi suất

- Tại bản kết luận giám định số 330/C09-P5 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an ngày 26/1/2020 kết luận:

Chữ ký mang tên Suh Dong K dưới mục "BÊN VAY" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Suh Dong K trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4, M6 do cùng một người ký ra.

Hình dấu tròn có nội dung CÔNG TY TNHH Y trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M5 do cùng một con dấu đóng ra. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Suh Dong K và hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY TNHH Y" dưới mục "BÊN VAY" có trước hay sau so với các chữ in phần nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A.

**Bản án số 03/2021/DS - ST ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải đã quyết định:**

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 150, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 74, điều 280, điều 429, điều 463, điều 466, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ điều 202 Luật doanh nghiệp năm 2020. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Vân N.

Buộc Công ty cổ phần may T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Đỗ Thị Vân N và anh Hoàng Huy T3 số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi 169.589.041 đồng. Tổng cộng là 1.169.589.041 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

**2. Về chi phí phiên dịch:** Chị Đỗ Thị Vân N tự nguyện nộp tiền chi phí phiên dịch là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Chị N đã nộp xong tiền chi phí phiên dịch.

**3. Về chi phí giám định:** Ông Suh Dong K phải nộp chi phí giám định là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Ông Suh Dong K đã nộp xong tiền chi phí giám định.

**4. Về án phí:** Công ty cổ phần may T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 47.087.671 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy một đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Đỗ Thị Vân N 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình, biên lai thu 0009520 ngày 05/5/2020.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/02/2021 Công ty cổ phần may T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 24/3/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm về khoản tiền lãi phải trả trong hạn, khoản tiền lãi phải trả quá hạn và xác định lại thời điểm phải thực hiện nghĩa vụ chịu lãi suất đến khi thi hành án xong.

Ngày 26/7/2021 Công ty cổ phần may T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã phát biểu quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật.

Về nội dung: 1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty cổ phần may T.

2. Do Công ty T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình rút kháng nghị về phần lãi suất tính đến thời điểm xét xử.

3. Đề nghị chấp nhận kháng nghị về thời điểm phải thực hiện nghĩa vụ chịu lãi suất đến khi thi hành án xong.

Do đó Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình là có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình áp dụng khoản 2 Điều 308, điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận 1 phần kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sửa bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần may T là tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH Y là bị đơn trong vụ án đã gửi trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Các đương sự và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, đảm bảo trong điều kiện phòng chống dịch bệnh Covid – 19 , họ đều vắng mặt lần thứ 2 không có lý do mặc dù đã được thông báo hợp lệ, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1 Xét đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn thì thấy: Ngày 25/02/2021 Công ty cổ phần may T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 26/7/2021 Công ty cổ phần may T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Việc rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần may T là tự nguyện, trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nên căn cứ điểm b khoản 1 điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần may T.

[2.2] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT –VKS –DS ngày 24/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị sửa bản án sơ thẩm về khoản tiền lãi phải trả trong hạn, khoản tiền lãi phải trả quá hạn và xác định lại thời điểm phải thực hiện nghĩa vụ chịu lãi suất đến khi thi hành án xong thì thấy:

[2.2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình rút kháng nghị về khoản tiền lãi phải trả trong hạn, khoản tiền lãi phải trả quá hạn do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ đối với một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình

[2.2.2] Xét về thời điểm phải thực hiện nghĩa vụ chịu lãi suất cho đến khi thi hành xong án thì thấy:

Bản án sơ thẩm đã tuyên: “ *Buộc Công ty cổ phần may T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Đỗ Thị Vân N và anh Hoàng Huy T3 số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi 169.589.041 đồng. Tổng cộng là 1.169.589.041 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).*

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự”*

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã căn cứ quy định điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật về lãi, lãi suất trong bản án của Tòa án cụ thể:

Điều 13: Quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án:

*“1. Khi giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, cùng với quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Tòa án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định ( phần quyết định ) như sau:*

*a/ Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”*

Như vậy Tòa án sơ thẩm đã xác định chưa đúng thời điểm phải thực hiện nghĩa vụ chịu lãi suất của bên phải thi hành bản án, vì vậy cần chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đối với việc xác định thời điểm phải thực hiện nghĩa vụ chịu lãi suất tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT –VKS –DS ngày 24/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị sửa bản án sơ thẩm về thời điểm phải thực hiện nghĩa vụ chịu lãi suất đến khi thi hành án xong là có căn cứ. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bị đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Y nay là Công ty cổ phần may T. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình về khoản tiền lãi phải trả trong hạn, khoản tiền lãi phải trả quá hạn. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT –VKS –DS ngày 24/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sửa bản án sơ thẩm số 03/2021/ DS- ST ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình về thời điểm phải thực hiện nghĩa vụ chịu lãi suất đến khi thi hành án xong.



Căn cứ vào Điều 148; điều 228, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 74, điều 280, điều 429, điều 463, điều 466, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ điều 202 Luật doanh nghiệp năm 2020. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Vân N.

Buộc Công ty cổ phần may T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Đỗ Thị Vân N và anh Hoàng Huy T3 số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi 169.589.041 đồng. Tổng cộng là 1.169.589.041 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 23/02/2021, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

**2. Về chi phí phiên dịch:**

Chị Đỗ Thị Vân N tự nguyện nộp tiền chi phí phiên dịch là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Chị N đã nộp xong tiền chi phí phiên dịch.

**3. Về chi phí giám định:**

Ông Suh Dong K phải nộp chi phí giám định là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Ông Suh Dong K đã nộp xong tiền chi phí giám định.

**4. Về án phí:**

Công ty cổ phần may T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 47.087.671 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy một đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Đỗ Thị Vân N 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình, biên lai thu 0009520 ngày 05/5/2020.

Trả lại Công ty cổ phần may T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số 0002076 ngày 02/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục THA H. huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Hằng**